**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II KHỐI 11**

**MÔN: NGỮ VĂN**

**NĂM HỌC 2016-2017**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU**

**Đề 1:** Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

*Dân số ngày càng tăng đã ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống của mỗi cá nhân, mỗi dân tộc cũng như toàn thể cộng đồng. Những ảnh hưởng đó là: không có đủ lương thực, thực phẩm cung cấp cho bữa ăn hằng ngày, từ đó dẫn đến cảnh đói nghèo, tình trạng thiếu dinh dưỡng dẫn đến sự suy thoái sức khỏe, giống nòi không những không phát triển mà còn dễ dàng bị thoái hóa. Dân số tăng, trong khi việc làm, cơ sở sản xuất có hạn dẫn đến thiếu việc làm, thất nghiệp ngày càng tăng, dân số tăng càng nhanh thì chất lượng cuộc sống của cộng đồng, của gia đình và cá nhân sẽ giảm sút.*

a, Nêu phong cách ngôn ngữ của đoạn văn ? đặt tên cho đoạn văn.

- Đoạn văn thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận.

- Tên : ảnh hưởng của dân số đến cộng đồng

b, Nêu phương thức biểu đạt chủ đạo của đoạn văn ?

- Phương thức nghị luận.

c, Chỉ ra câu văn chủ đạo của đoạn văn ?

- Đó là câu đầu tiên.

d, Nêu các biện pháp nghệ thuật ?

- Liệt kê, so sánh, lặp cấu trúc cú pháp, đối lập.

**Đề 2:** Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

*Quanh năm buôn bán ở mom sông,*

*Nuôi đủ năm con với một chồng.*

*Lặn lội thân cò khi quãng vắng,*

*Eo sèo mặt nước buổi đò đông.*

*Một duyên hai nợ âu đành phận,*

*Năm nắng mười mưa dám quản công.*

*Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,*

*Có chồng hờ hững cũng như không.*

a, Nêu phong cách ngôn ngữ của văn bản ?

- Thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

b, Chỉ ra những biện pháp nghệ thuật ?

- Lặp cấu trúc cú pháp, đảo ngữ, thành ngữ, so sánh, từ láy, liệt kê.

c, Em hiểu ý nghĩa 2 câu thơ đầu như thế nào ?

- Hai câu thơ đã diễn tả công việc buôn bán của bà Tú rất vất vả, ở không gian nguy hiểm để nuôi chồng, nuôi con.

d, Xác định những phép liên kết trong bài thơ ?

- Phép nối, phép thế, phép so sánh.

**Đề 3:** Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

*Nhà nước ba năm mở một khoa,*

*Trường Nam thi lẫn với trường Hà.*

*Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ,*

*Ậm ọe quan trường miệng thét la.*

*Lọng cắm rợp trời quan sứ đến,*

*Váy lê quét đất mụ đầm ra.*

*Nhân tài đất Bắc nào ai đó,*

*Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.*

a, Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản ?

- Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

b, Xác định các phương thức biểu đạt ? Phương thức nào là chủ yếu ?

- Phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm. Biểu cảm là chủ yếu.

c, Xác định các biện pháp nghệ thuật ?

- Đảo ngữ, hoán dụ, từ láy, đối.

d, Thái độ của tác giả được thể hiện như thế nào ?

- Tủi nhục, uất hận, đau đớn trước cảnh đất nước bị thực dân Pháp đô hộ.

**Đề 4:** Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

*Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ ; từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Dãy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời.*

*Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve. Liên ngồi yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen ; đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần vào cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của chị ; Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn. (Hai đứa trẻ - Thạch Lam)*

a, Xác định phương thức biểu đạt của đoạn văn ?

- Tự sự, miêu tả, biểu cảm.

b, Chỉ ra những biện pháp nghệ thuật của đoạn văn ?

- Liệt kê, so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, lặp cấu trúc cú pháp, từ láy.

c, Hãy chỉ ra giọng điệu của đoạn văn ?

- Đoạn văn nhẹ nhàng, chậm rãi, tha thiết và thấm buồn.

d, Đoạn văn chủ yếu miêu tả tâm trạng nhân vật nào ?

- Tâm trạng nhân vật Liên.

**Đề 5:** Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

*Ba hôm sau, ông cụ già chết thật.*

*Cả gia đình ấy đã nhao lên mỗi người một cách, đi gọi từ ông lang băm Tây cho đến ông lang băm Đông, già và trẻ, để thực hành đúng cái lí thuyết “nhiều thầy thối ma”. Ông cụ già chết, danh dự của Xuân lại càng to thêm, vì cái lẽ rất chính đáng là luôn ba hôm nó đã trốn một chỗ nào không ai biết, đến nỗi cụ bà cho người đi tìm đâu cũng không thấy. Thiếu ông đốc tờ Xuân là thiếu tất cả, những ông thầy thuốc chính hiệu đã thất bại hoàn toàn. Về phần ông đốc tờ Trực Ngôn, thấy bạn đồng nghiệp Xuân của ông không chữa, cho đó là một bệnh nặng, nên cũng không dám nhận. Đó là một bài học cho những kẻ nào dám bảo một người như Xuân là con nhà hạ lưu, ma cà bông, vô học, vô lại, nhặt ban quần, vân vân…* *(Hạnh phúc của một tang gia – Vũ Trọng Phụng)*

a, Xác định câu văn chủ đạo của đoạn văn ?

- Là câu văn đầu tiên.

b, Xác định những biện pháp nghệ thuật ?

- Liệt kê, so sánh, thành ngữ.

c, Chỉ ra phương thức biểu đạt ? Phương thức nào là chủ yếu ?

- Tự sự, miêu tả, biểu cảm. Phương thức tự sự là chủ yếu.

d, Chỉ ra những phép liên kết trong đoạn văn ?

- Phép nối, phép lặp từ vựng, phép thế.

**Đề 6:** Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

*Cuộc săn dù ráo riết đến đâu cũng không sao tróc đủ một trăm người phải đi xem đá bóng. Dăm sáu anh khôn ngoan, đã kéo đến ngủ nhờ nhà khác, hoặc làng khác. Họ làm như lánh nạn.*

*Khi thấy đã chậm giờ, ông lí trưởng nghiến răng nói:*

*- Chúng nó ngu như lợn. Người ta cho xem đá bóng chứ ai làm gì mà cũng phải bắt. Rồi quan thấy không đủ số, lại chửi ông không tận tâm.*

*Rồi ông ra lệnh:*

*- Chín mươi tư thằng ở đây, xếp hàng năm lại, đi cho đều bước. Tuần, chúng bay phải kèm chung quanh giúp tao. Đứa nào trốn về thì ông bảo.*

*Đoạn ông lo lắng, đi cuối cùng, mắt nhanh nhẹn để coi cẩn thận như coi tù binh.*

*- Mẹ bố chúng nó, cho đi xem đá bóng chứ ai giết chết mà phải trốn như trốn giặc* ! *(Tinh thần thể dục – Nguyễn Công Hoan)*

a, Xác định nội dung của đoạn văn ?

- Đoạn văn miêu tả cảnh Lí trưởng đi bắt mọi người đi xem đá bóng.

b, Thái độ của tác giả qua đoạn văn ?

- Tố cáo, lên án bè lũ thực dân phong kiến đã hành hạ người dân khi cuộc sống vật chất của họ còn đói kém nhưng phải đi cổ vũ cho môn thể dục thể thao không cần thiết lúc này.

c, Xác định những biện pháp nghệ thuật ?

- Liệt kê, ẩn dụ, so sánh, từ láy.

d, Xác định các phương thức biểu đạt của đoạn ?

- Tự sự, miêu tả, biểu cảm.

**Đề 12:** Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

*Con tôi sẽ phải học tất cả những điều này. […] Rằng cứ mỗi một kẻ thù ta gặp ở nơi này thì ở nơi khác ta lại tìm thấy một người bạn. Bài học này sẽ mất nhiều thời gian, tôi biết, nhưng xin thầy hãy dạy cho cháu hiểu rằng một đồng đô-la kiếm được do công sức của mình bỏ ra còn quý hơn nhiều so với năm đô-la nhặt được trên hè phố…*

*Xin hãy dạy cho cháu cách chấp nhận thất bại và cách tận hưởng niềm vui chiến thắng. Xin hãy dạy cho cháu tránh xa sự đố kị. Xin dạy cho cháu biết được bí quyết của niềm vui thầm lặng. Dạy cho cháu rằng những kẻ hay bắt nạt người khác là những kẻ dễ bị đạnh bại nhất…* *(Trích thư của Tổng Thống Mĩ Lin-Côn gửi thầy hiệu trưởng của con trai mình, trong Những câu chuyện về người thầy).*

a, Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản ?

- Thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

b, Nêu nội dung của văn bản ?

- Mong người thầy hãy dạy cho đứa con biết quí trọng sức lao động, chấp nhận thất bại, tránh xa đố kị và không được bắt nạt người khác.

c, Xác định những biện pháp nghệ thuật ?

- Liệt kê, lặp cấu trúc cú pháp, so sánh, im lặng, đối lập.

d, Xác định phương thức biểu đạt chủ đạo ?

- Phương thức biểu cảm.

**Đề 7:** Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

*Xin dạy cho cháu biết đến thế giới kì diệu của sách, nhưng cũng để cho cháu đủ thời gian để lặng lẽ suy tư về sự bí ẩn muôn thuở của cuộc sống : đàn chim tung cánh trên bầu trời, đàn ong bay lượng trong nắng, và những bông hoa nở ngát trên đồi xanh…*

*Ở trường, xin thầy hãy dạy cho cháu biết chấp nhận thi rớt còn vinh dự hơn gian lận khi thi. Xin hãy tạo cho cháu có niềm tin vào ý kiến của bản thân, cho dù tất cả mọi người xung quanh đều cho rằng ý kiến ấy là không đúng…*

*Xin hãy dạy cho cháu biết cách đối xử dịu dàng với những người hòa nhã và cứng rắn đối với kẻ thô bạo. Xin tạo cho cháu sức mạnh để không chạy theo đám đông khi tất cả mọi người chạy theo thời thế. (Trích thư của Tổng Thống Mĩ Lin-Côn gửi thầy hiệu trưởng của con trai mình, trong Những câu chuyện về người thầy).*

a, Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản ?

- Thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

b, Nêu nội dung của văn bản ?

- Mong người thầy hãy dạy cho con biết sự quý giá của sách, yêu quý cuộc sống, biết chấp nhận thi rớt chứ không gian lận, biết sống hòa nhập với mọi người.

c, Xác định những biện pháp nghệ thuật ?

- Liệt kê, lặp cấu trúc cú pháp, so sánh, im lặng, đối lập.

d, Xác định các phương thức biểu đạt ?

- Tự sự, miêu tả, biểu cảm.

**Đề 8:** Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

*Xin hãy dạy cho cháu biết cách mỉm cười khi buồn bã… Xin hãy dạy cho cháu biết rằng không có sự xấu hổ trong những giọt nước mắt. Xin hãy dạy cho cháu biết chế giễu những kẻ yếm thế và cẩn trọng trước sự ngọt ngào đầy cạm bẫy.*

*Xin hãy dạy cho cháu rằng có thể bán cơ bắp và trí tuệ cho người ra giá cao nhất nhưng không bao giờ được để cho ai ra giá mua trái tim và tâm hồn mình.*

*[…] Xin hãy đối xử dịu dàng nhưng đừng vuốt ve nuông chiều cháu bởi vì chỉ có sự thử thách của lửa mới tôi luyện nên những thanh sắt cứng rắn. Hãy giúp cháu có đủ can đảm biểu lộ sự kiên nhẫn và có đủ kiên nhẫn để biểu lộ sự can đảm. (Trích thư của Tổng Thống Mĩ Lin-Côn gửi thầy hiệu trưởng của con trai mình, trong Những câu chuyện về người thầy).*

a, Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản ?

- Thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

b, Nêu nội dung của văn bản ?

- Mong người thầy hãy dạy cho con cần có lòng tự trọng, biết tránh xa những cạm bẫy, có thể bán sức lực nhưng không bán trái tim, biết thử thách trong cuộc sống để trưởng thành.

c, Xác định những biện pháp nghệ thuật ?

- Liệt kê, lặp cấu trúc cú pháp, so sánh, im lặng, đối lập.

d, Xác định các phương thức biểu đạt ?

- Tự sự, miêu tả, biểu cảm.

**II. PHẦN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**Đề 1: Vẻ đẹp bức tranh cuộc sống trong đoạn đầu bài thơ *Vội vàng* – Xuân Diệu**

**Gợi ý:**

\*Ý 1-  4 câu đầu: Khát vọng kì lạ đến ngông cuồng: “Tắt nắng ; buộc gió” + điệp ngữ “tôi muốn”: thi nhân khao khát đoạt quyền tạo hóa, làm chủ đất trời để giữ lại vẻ đẹp hương sắc của cuộc đời.

\* Ý 2-  Bức tranh mùa xuân hiện ra như một khu vườn tràn ngập hương sắc:

+ Hình ảnh thiên nhiên đẹp,tươi tắn, tràn đầy sức sống:

*Ong bướm tuần* *tháng mật.*

*Hoa … xanh rì*

*Lá cành tơ …*

*Yến anh … khúc tình si*

*Ánh sáng chớp hàng mi*

=> Vạn vật đều căng đầy sức sống, giao hòa. Bức tranh thiên nhiên đẹp chan chứa xuân sắc và xuân tình được thi nhân cảm nhận qua lăng kính của một trái tim yêu cuộc đời đến tha thiết.

 +  Điệp ngữ: *này đây* kết hợp với hình ảnh,âm thanh, màu sắc: nhấn mạnh vẻ đẹp phong phú, đa dạng, tràn trề của thiên nhiên trong không khí mùa xuân; đồng thời khẳng định vẻ đẹp không ở đâu xa mà nó luôn hiện hữu trong cuộc sống ở nơi đây và ngay tại lúc này. Với Xuân Diệu, vẻ đẹp tồn tại ở cuộc sống nơi trần thế.

+ So sánh: *Tháng giêng ngon như một cặp môi gần*: táo bạo. Nhà thơ phát hiện ra vẻ đẹp kì diệu của thiên nhiên và thổi vào đó 1 tình yêu rạo rực, đắm say ngây ngất.

=> Sự phong phú bất tận của thiên nhiên, đã bày ra một khu địa đàng ngay giữa trần gian - “một thiên đàng trần thế”

\* Ý 3- Vì cuộc sống tươi đẹp mà cuộc đời quá ngắn ngủi nên Xuân Diệu càng thêm yêu đời, luôn quý trọng từng phút giây của cuộc đời mình. Tâm trạng của thi nhân: đầy mâu thuẫn nhưng thống nhất: *Sung sướng >< vội vàng*: Muốn sống gấp, sống nhanh, sống vội tranh thủ thời gian để tận hưởng vẻ đẹp của cuộc sống.

**Đề 2: Triết lí thời gian của Xuân Diệu qua đoạn thơ sau:**

*Xuân đương tới nghĩa là xuân đương qua*

*…………………………………………*

*Mau đi thôi. Mùa chưa ngả chiều hôm.*

**Gợi ý:**

\* Ý 1: Quan niệm mới về thời gian: thời gian luôn vận động theo dòng tuyến tính. Cuộc đời thì ngắn ngủi, tuổi trẻ là thời gian đẹp nhất, một khi đã đi qua không bao giờ trở lại.

- Thơ xưa quan niệm: thời gian tuần hoàn, vô thủy vô chung.

-  Xuân Diệu lại cho rằng:

Xuân đương tới - đương qua

Xuân còn non - sẽ già

=> thời gian như 1 dòng chảy, thời gian trôi đi tuổi trẻ cũng sẽ mất. Thời gian tuyến tính => Xuân Diêu thể hiện cái nhìn biện chứng về vũ trụ, thời gian.

-   Xuân Diệu cảm nhận sự mất mát ngay chính sinh mệnh mình.

Xuân hết nghĩa là tôi cũng mất

…tuổi trẻ chẳng 2 lần thắm lại

=> Mùa xuân, tuổi trẻ không tồn tại mãi, nó ngắn ngủi vô cùng, tuổi trẻ đẹp nhất của đời mỗi người. Xuân Diệu lấy tuổi trẻ làm thước đo thời gian. Thời gian mất nghĩa là tuổi trẻ cũng mất.

- Cảm nhận sâu sắc, thấm thía thiên nhiên, vạn vật tàn phai, héo úa, chia phôi, tiễn biệt:

*Cơn gió xinh … phải bay đi*

*Chim rộn ràng … đứt tiếng reo.*

- Quan niệm sống:Mau đi thôi mùa chưa ngả chiều hôm: sống gấp gáp, vội vàng, cuống quýt, hưởng thụ.

=> Quan niệm mới, tích cực thấm đượm tinh thần nhân văn thể hiện sự trân trọng và ý thức về giá trị của sự sống, cuộc sống, biết quý đời mình. Đây cũng là cơ sở sâu xa của thái độ sống vội vàng.

\* Ý 2: Nghệ thuật:

* Sử dụng biện pháp điệp từ (“xuân”), đối lập (sự vô hạn của vũ trụ>< sự hữu hạn của đời người), cặp từ trái nghĩa (tới – qua, non – già) -> cái nhìn biện chứng, thuyết phục về sự trôi chảy của thời gian.
* Lối nói định nghĩa:  *nghĩa là, nếu*…, *nhưng… nên*… tạo nên tính chất triết lí, triết luận cho giọng thơ.
* Nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác *: Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi, khắp sông núi đều than thầm tiễn biệt.*

->

*Đề 3: Phân tích khổ thơ cuối của bài thơ Vội vàng để thấy quan niệm sống tích cực của Xuân Diệu.*

**Gợi ý:**

\* Ý 1: Niềm khao khát tận hưởng cuộc sống.

**-** Đại từ “ta”: khát vọng hòa nhập vào cuộc đời.

- Điệp từ: Ta muốn: khát vọng mãnh liệt

- Hình ảnh: (d/c) tươi mới, đầy sức sống.

- Động từ ( ôm, riết, say,…) mạnh, tăng tiến: thể hiện sự mê đắm, cuồng nhiệt trong lòng nhà thơ

- Nhịp thơ linh hoạt, ngắn dài xen kẽ với nhiều điệp từ (ta, cho) dồn dập, sôi nổi, hối hả-> cảm xúc cuồng nhiệt, tham lam, vồ vập-> hưởng thụ thỏa thuê hương sắc cuộc đời.

- Nhân hóa: hỡi xuân hồng…->đỉnh điểm của cảm xúc, khát khao tận hưởng đến tột cùng.

-> XD say mê, khao khát tận hưởng tất cả hương sắc cuộc đời.

\* Ý 2: Quan niệm sống tích cực: Sống vội vàng, cuống quýt, sống hết mình, tận hiến và tận hưởng.

**Đề 4: Vẻ đẹp cổ điện và hiện đại trong khổ thơ cuối của bài thơ Tràng Giang (Huy Cận).**

**Gợi ý:**

\* Ý 1: Vẻ đẹp cổ điển

- Thể thơ 7 chữ, lối ngắt nhịp truyền thống: 4/3

- Hình ảnh thiên nhiên đẹp, kì vĩ, tráng lệ: mây cao, núi bạc

- Sử dụng thi liệu cổ: hình ảnh cánh chim rất quen thuộc trong thơ xưa

*+ Chim bay về núi tối rồi* (ca dao)

*+ Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi* (Bà Huyện Thanh quan)

*+Chim hôm thoi thót về rừng* (Nguyễn Du)

- Hình ảnh ước lệ tượng trưng trong thơ cổ điển: Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa ->Gợi lên kiếp người nhỏ bé, cô đơn, mang nỗi niềm thầm kín của thi nhân.

- Nghệ thuật đối trong Đường thi:

. Mây cao, núi bạc, bóng chiều>< Cánh chim

-> Càng làm tăng lên sự mênh mông, xa vắng của dòng tràng giang.

. Không gian vô tận, vô hạn của thiên nhiên, vũ trụ >< sự hữu hạn của kiếp người

-> Nỗi buồn sầu thêm da diết, trịu nặng hơn.

-Thi liệu thơ Đường: mượn ý thơ của Thôi Hiệu để nói lên lòng quê:

Quê hương khuất bóng hoàng hôn/ Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai.

\* Ý 2: Vẻ đẹp hiện đại

- *Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa* mang nỗi buồn bơ vơ, trống trải của một người lữ thứ xa quê, nỗi buồn của cả một thế hệ.

- Từ láy: *dợn dợn* gợi lên nhịp sóng: sóng nước, sóng lòng. “Dợn dợn” diễn tả sự rợn ngợp của nhà thơ trước cảnh trời nước mênh mông trong khoảng khắc gắn liền với tình quê, cố hương.

- Câu cuối: hiện đại ở cách nói trái ngược với ý Thôi Hiệu – một sự cách tân mới mẻ: khẳng định nỗi nhớ nhà, nỗi nhớ quê hương đất nước sâu lắng, mãnh liệt hơn, nó luôn thường trực trong tâm hồn và luôn sẵn sàng tỏa ra, thấm vào thiên nhiên vạn vật.

\* Ý 3: Đây là khổ thơ có sự kết hợp nhuần nhuyễn thơ ca truyền thống – những nét cố điển của thơ Đường với những nét hiện đại của thơ mới; đồng thời cảm xúc vũ trụ thế hiện ở cảnh đẹp thiên nhiên hùng vĩ, thơ mộng nhưng thấm đượm nỗi buồn tâm trạng của thi nhân – "nỗi buồn sông núi, nỗi buồn về đất nước”-> nét đặc trưng thơ Huy Cận.

**Đề 5: Cảm nhận của anh/ chị về 2 đoạn thơ sau:**

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp*

*Con thuyền xuôi mái nước song song*

*Thuyền về nước lại sầu trăm ngả*

*Củi một cành khô lạc mấy dòng*

*(****Tràng giang*** *– Huy Cận)*

Và:

*Gió theo lối gió mây đường mây*

*Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay*

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*

*Có chở trăng về kịp tối nay*

*(****Đây thôn Vĩ Dạ*** *- Hàn Mặc Tử)*

**Gợi ý:**

1.Giới thiệu 2 nhà thơ, 2 đoạn thơ  
Hàn Mặc Tử là nhà thơ lớn của phong trào Thơ mới, cuộc đời bi thương, hồn thơ phong phú, kì lạ, sức sáng tạo mạnh mẽ, luôn bộc lộ một tình yêu đau đớn hướng về trần thế. Đây thôn Vĩ Dạ là thi phẩm xuất sắc thể hiện tấm lòng thiết tha đến khắc khoải của nhà thơ với thiên nhiên và cuộc sống.

- Huy Cận là nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới và thơ sau Cách mạng tháng Tám, hồn thơ đậm chất cổ điển, giàu suy tưởng, triết lí, nổi bật về cảm hứng thiên nhiên, tạo vật. Tràng giang là một bài thơ xuất sắc thể hiện nỗi buồn sầu trước tạo vật mênh mông, hoang vắng, đồng thời bày tỏ một lòng yêu nước kín đáo.   
2.Phân tích từng đoạn thơ

a.Đây Thôn Vĩ Dạ

- Nội dung   
+ Khung cảnh thiên nhiên trời mây - sông nước đang chuyển mình vào đêm trăng với những chia lìa, phiêu tán, chơ vơ; đượm vẻ huyền ảo và buồn hiu hắt.   
+ Hiện lên một cái tôi đang khát khao vượt thoát nỗi cô đơn, với niềm mong mỏi đầy phấp phỏng được gặp gỡ, sẻ chia, gắn bó.

- Nghệ thuật   
+ Hình ảnh thơ vừa thực vừa ảo, có tính tượng trưng, giàu sức gợi.   
+ Phối hợp tả cảnh ngụ tình với trực tiếp biểu cảm; kết hợp biến đổi nhịp điệu với biện pháp trùng điệp; dùng cấu trúc đối lập, phép nhân hoá, câu hỏi tu từ.

b. Tràng Giang

- Nội dung   
+ Bức tranh tràng giang vào lúc hoàng hôn tráng lệ mà rợn ngợp, với mây chiều chất ngất hùng vĩ, chim chiều nhỏ bé đơn côi.   
+ Hiện lên một cái tôi trong tâm trạng bơ vơ, lạc lõng của kẻ lữ thứ, chẳng cần cơn cớ trực tiếp mà mong ước đoàn tụ vẫn cứ dậy lên như sóng trong lòng.

- Nghệ thuật

+ Hình ảnh, ngôn từ, âm hưởng đậm chất cổ điển Đường thi.   
+ Kết hợp thủ pháp đối lập truyền thống với phép đảo ngữ hiện đại, bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình.

3.So sánh 2 đoạn thơ

a. Tương đồng. Cùng miêu tả bức tranh thiên nhiên trời - nước, qua đó bộc lộ nỗi buồn và tình yêu đối với tạo vật và cuộc sống; sử dụng thể thơ thất ngôn điêu luyện, kết hợp tả cảnh ngụ tình với trực tiếp biểu cảm.   
b. Khác biệt. Đoạn thơ trong Đây thôn Vĩ Dạ: là nỗi buồn của một người khát khao sống, thiết tha gắn bó với cõi đời nhưng tự cảm thấy mong manh, vô vọng; trội về những thi liệu trực quan từ trải nghiệm của chính mình. Đoạn thơ trong Tràng giang: bộc lộ nỗi buồn rợn ngợp trước tạo vật mênh mông, hoang vắng cùng mặc cảm lạc loài của người đứng trên quê hương mà thấy thiếu quê hương; trội về những thi liệu cổ điển hấp thu từ Đường thi.

**Đề 6: Nỗi niềm tâm sự của nhà thơ Hàn Mặc Tử qua bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ.***

**Gợi ý:**

\* Ý 1: Hoài niệm về cảnh và người thôn Vĩ trong buổi sớm mai (khổ 1)

-Câu hỏi tu từ đa sắc thái mang nhà thơ theo dòng hoài niệm trở về thôn Vĩ.

- Hình ảnh: nắng, khu vườn->Thiên nhiên thôn Vĩ buổi sớm mai: trong lành, tinh khôi, tràn đầy sức sống.

- Con người thôn Vĩ: phúc hậu, dịu dàng, kín đáo

-> Kỉ niệm, hồi ức đẹp đẽ. Nhà thơ mong ước được quay trở về thôn Vĩ thăm lại cảnh cũ người xưa.

\* Ý 2: Niềm khao khát tình yêu, hạnh phúc và tâm trạng âu lo, hoài nghi, khắc khoải (khổ 2).

- Nỗi buồn trước tình yêu xa cách, chia lìa.

- Khao khát tình yêu, hạnh phúc :Thuyền ai đậu bến sông trăng đó/ có chở trăng về kịp tối nay

- Câu hỏi tu từ, từ “kịp”: tâm trạng lo âu, hoài nghi, khắc khoải trước cuộc đời quá ngắn ngủi.

\* Ý 3: Mặc cảm chia lìa và mong ước, hoài nghi về tình đời, tình người thủy chung son sắt (khổ 3).

- Cảm giác hư ảo “mơ”, khoảng cách hiện hữu như một nỗi ám ảnh: khách đường xa, áo em trắng quá nhìn không ra.

- Câu hỏi tu từ: Ai biết tình ai có đậm đà?

=> Cả bài thơ là dòng tâm tư trĩu nặng của một tâm hồn đau thương yêu người yêu đời đến tha thiết mãnh liệt.

**Đề 7: Bàn về thơ của Bác, nhà thơ Hoàng Trung Thông từng viết:**

*Vần thơ của Bác vần thơ thép*

*Mà vẫn mênh mông bát ngát tình*.

**Qua bài thơ *Chiều tối* của Hồ Chí Minh, anh/ chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên.**

Gợi ý:

1. Giải thích khái niệm

a) Chất thép

– Nghĩa đen: Thép là hợp kim vừa có độ bền, độ cứng và độ dẻo…

– Nghĩa bóng: Chất thép trong thơ Bác là khí phách, là bản lĩnh, là ý chí chiến thắng trước hoàn cảnh, là tinh thần lạc quan cách mạng của Người.

b) Chất tình

– Nghĩa đen: Tình là tình cảm của người với người, với thiên nhiên…

– Nghĩa bóng: Chất tình trong thơ Bác là tình yêu thương con người, sống vì người khác đến quên mình, là tình yêu quê hương đất nước,…

2.Chứng minh

Biểu hiện của chất thép và chất tình trong bài thơ Chiều tối (trọng tâm)

a) Chất thép trong bài thơ “Chiều tối”

– Chất thép thể hiện ở tinh thần vượt lên trên hoàn cảnh tù đày. Bác đã quên đi sự đày ải của chính mình, hòa lòng vào vẻ đẹp của thiên nhiên với phong thái ung dung, tự do, tự tại: *Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ/ Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không.*

– Chất thép thể hiện ở tinh thần lạc quan của người chiến sĩ cách mạng trong hoàn cảnh tù đày.

+ Hình ảnh trung tâm của bức tranh là cô gái xay ngô trẻ trung, khỏe khoắn-> vẻ đẹp tràn đầy sức sống nơi núi rừng hẻo lánh.

+ Nhãn tự “hồng” : gợi sự ấp áp, thể hiện niềm tin tưởng lạc quan vào tương lai tươi sáng.

+ Sự vận động của mạch thơ: thời gian chuyển từ chiều sang tối; cảnh vật từ cô đơn, lạnh lẽo sang ấm áp; từ âm u, tăm tối đến ánh sáng; chuyển từ buồn sang vui.

b) Biểu hiện của chất tình trong bài thơ Chiều tối:

- Tình yêu thiên nhiên tha thiết: tác giả miêu tả bức tranh thiên nhiên đẹp, yên bình, khoáng đạt.

- Tình yêu con người và cuộc sống: quan tâm con người, ngợi ca trân trọng vẻ đẹp của cuộc sống.

3.Bình luận.

- Khẳng định ý thơ của Hoàng Trung Thông Nhà thơ Hoàng Trung Thông đã rất đúng khi khẳng định: Vần thơ của Bác vần thơ thép

Mà vẫn mênh mông bát ngát tình.

-Chất thép và chất tình hòa quyện trong những vần thơ của Bác đã góp phần làm nên vẻ đẹp tâm hồn cao quý của Người.

**Đề dành cho lớp chuyên**

**ĐỀ 1.**

Nói về tính độc đáo của phong cách trong sáng tác văn học, có ý kiến cho rằng:

*"Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo, vì vậy nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật, tức là có nét gì đó rất riêng, mới lạ thể hiện trong tác phẩm của mình".*

Anh, chị hiểu như thế nào về quan niệm trên? Làm sáng tỏ qua hai đoạn thơ sau:

*Gió theo lối gió, mây đường mây   
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay   
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó   
Có chở trăng về kịp tối nay?*(*Đây thôn Vĩ Dạ* - Hàn Mặc Tử, Ngữ văn 11, Tập hai, NXB Giáo dục, 2008, tr. 39)

Và:

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,   
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.   
Lòng quê dợn dợn vời con nước,   
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

(*Tràng giang* - Huy Cận, Ngữ văn 11, Tập hai, NXB Giáo dục, 2008, tr. 29)  
 **HƯỚNG GIẢI QUYẾT**

***1.Giải thích:***

- Giai thích ý kiến :

+ "***Cái độc đáo***": là sáng tạo mới mẻ, mang dấu ấn cá nhân của mỗi nhà văn, không lặp lại ai và cả chính mình. Để có "***cái độc đáo***" đòi hỏi người nghệ sĩ phải có tài năng, năng khiếu vượt trội. Chính "***cái độc đáo***" sẽ tạo nên "***phong cách nổi bật***" (phong cách nghệ thuật) của người nghệ sĩ đó.

+ "***Phong cách nghệ thuật***" là những nét riêng biệt, mới lạ, độc đáo của một nhà văn trong quá trình nhận thức và phản ánh cuộc sống. Những nét độc đáo ấy thể hiện trong tất cả các yếu tố nội dung và hình thức của tác phẩm cụ thể. Nói cách khác, phong cách là sự thể hiện tài năng của người nghệ sĩ trong việc đưa đến cho độc giả một cái nhìn mới mẻ về cuộc đời thông qua những phương thức, phương tiện nghệ thuật mang đậm dấu ấn cá nhân của người sáng tạo.

- Giới thiệu 2 nhà thơ, 2 bài thơ và vị trí hai đoạn thơ:

+ Hàn Mặc Tử là nhà thơ lớn của phong trào Thơ mới, cuộc đời bi thương, hồn thơ phong phú, kì lạ, sức sáng tạo mạnh mẽ, luôn bộc lộ một tình yêu đau đớn hướng về trần thế. Đây thôn Vĩ Dạ là thi phẩm xuất sắc thể hiện tấm lòng thiết tha đến khắc khoải của nhà thơ với thiên nhiên và cuộc sống.

+ Huy Cận là nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới và thơ sau Cách mạng tháng Tám, hồn thơ đậm chất cổ điển, giàu suy tưởng, triết lí, nổi bật về cảm hứng thiên nhiên, tạo vật. Tràng giang là một bài thơ xuất sắc thể hiện nỗi buồn sầu trước tạo vật mênh mông, hoang vắng, đồng thời bày tỏ một lòng yêu nước kín đáo.   
 ***2. Chứng minh và bình luận:***

- Cơ sở lí luận: Bản chất của nghệ thuật là sáng tạo. Vì vậy, thơ ca cũng đòi hỏi nhà thơ phải in dấu tâm hồn, trí tuệ mình vào đó thật sâu sắc, càng cá thể càng độc đáo, càng hay. Nhờ khả năng sáng tạo tuyệt vời mà các thi nhân luôn tìm ra những cách nói mới về những điều đã cũ để tạo nên sự phong phú, đa dạng cho văn học dân tộc. Nếu không có sáng tạo, không có phong cách riêng thì tác phẩm và tác giả đó sẽ không thể tồn tại trong văn chương. Những sáng tạo về hình thức biểu hiện rất phong phú qua thẻ loại, cấu tứ tác phẩm, ngôn ngữ thơ, hình ảnh thơ ...

**- Cảm nhận hai đoạn thơ để làm sáng tỏ.**

*Gió theo lối gió, mây đường mây   
…Có chở trăng về kịp tối nay?*

+ Nội dung   
 . Khung cảnh thiên nhiên trời mây - sông nước đang chuyển mình vào đêm trăng với những chia lìa, phiêu tán, chơ vơ; đượm vẻ huyền ảo và buồn hiu hắt.   
 . Hiện lên một cái tôi đang khát khao vượt thoát nỗi cô đơn, với niềm mong mỏi đầy phấp phỏng được gặp gỡ, sẻ chia, gắn bó.

+ Nghệ thuật   
 . Hình ảnh thơ vừa thực vừa ảo, có tính tượng trưng, giàu sức gợi.   
 . Phối hợp tả cảnh ngụ tình với trực tiếp biểu cảm; kết hợp biến đổi nhịp điệu với biện pháp trùng điệp; dùng cấu trúc đối lập, phép nhân hoá, câu hỏi tu từ.

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,   
…Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

+ Nội dung   
 . Bức tranh tràng giang vào lúc hoàng hôn tráng lệ mà rợn ngợp, với mây chiều chất ngất hùng vĩ, chim chiều nhỏ bé đơn côi.   
 . Hiện lên một cái tôi trong tâm trạng bơ vơ, lạc lõng của kẻ lữ thứ, chẳng cần cơn cớ trực tiếp mà mong ước đoàn tụ vẫn cứ dậy lên như sóng trong lòng.

+ Nghệ thuật

. Hình ảnh, ngôn từ, âm hưởng đậm chất cổ điển Đường thi.   
 . Kết hợp thủ pháp đối lập truyền thống với phép đảo ngữ hiện đại, bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình.

- Nhận xét:

+ Tương đồng: Cùng miêu tả bức tranh thiên nhiên trời - nước, qua đó bộc lộ nỗi buồn và tình yêu đối với tạo vật và cuộc sống; sử dụng thể thơ thất ngôn điêu luyện, kết hợp tả cảnh ngụ tình với trực tiếp biểu cảm.   
 + Khác biệt:

Đoạn thơ trong Đây thôn Vĩ Dạ: là nỗi buồn của một người khát khao sống, thiết tha gắn bó với cõi đời nhưng tự cảm thấy mong manh, vô vọng; trội về những thi liệu trực quan từ trải nghiệm của chính mình.

Đoạn thơ trong Tràng giang: bộc lộ nỗi buồn rợn ngợp trước tạo vật mênh mông, hoang vắng cùng mặc cảm lạc loài của người đứng trên quê hương mà thấy thiếu quê hương; trội về những thi liệu cổ điển hấp thu từ Đường thi.

+ Lí giải sự khác biệt: xuất phát từ phong cách nghệ thuật.

***3. Bàn luận:***

- Vai trò của nhà văn và người đọc.

**ĐỀ 2.**

**Nỗi buồn trong Thơ mới qua hai bài thơ Tràng giang (Huy Cận), Đây thôn Vĩ Dạ (Hàn Mặc Tử).** **HƯỚNG GIẢI QUYẾT**

1. ***Giair thích.***

- Thơ mới: phong trào thơ trong trào lưu văn học lãng mạn ra đời và tồn tại từ 1932 đến 1945, với hơn 46 nhà thơ…

- Nỗi buồn: cảm xúc cô đơn, bi quan, bế tác, tuyệt vọng, hoài nghi…của những nhà thơ mới. Đó là một trong những nội dung làm nên sự thành công của của phong trào Thơ mới.

***-*** Vài nét về tác giả và tác phẩm

+ Huy Cận (1919 – 2005) là một trong những nhà thơ xuất sắc nhất của phong trào Thơ mới. Trước Cách mạng tháng Tám 1945, tác phẩm đáng chú ý nhất của Huy Cận là tập Lửa thiêng, một tập thơ thể hiện rõ nét cá tính, tài năng, phong cách thơ Huy Cận.   
 Tràng giang được in trong tập Lửa thiêng, và được xem là bài thơ hay nhất của Huy Cận trước Cách mạng. Cảm xúc bài thơ được khơi gợi từmột buổi chiều nhà thơ đứng trước sông Hồng mênh mang sóng nước.   
 **+**  Hàn Mặc Tử(1912 – 1940) là một trong những nhà thơ có sức sáng tạo mạnh mẽ nhất của phong trào Thơ mới. Thơ ông luôn thể hiện một tình yêu đớn đau hướng về cuộc đời trần thế.   
 Bài thơ Đây thôn VĩDạ(lúc đầu có tên gọi Ở đây thôn Vĩ Dạ) được viết năm 1938, in trong tập Thơ điên (về sau đổi thành Đau thương). Bài thơ được gợi cảm hứng từ m ối tình đơn phương của Hàn Mặc Tử với một cô gái Huế, ởt hôn Vĩ Dạ.   
 ***2. Chứng minh:***

\* Những sắc thái, cung bậc của nỗi buồn trong Tràng giang

- Nỗi ám ảnh về sự cô đơn, nhỏ nhoi của con người trước đất trời, sông nước mênh mông (Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp), sự chia lìa, nổi trôi bất định (thuyền vềnước lại sầu trăm ngả/ Củi một cành khô lạc mấy dòng...)   
 - Thiên nhiên tĩnh lặng, hoang sơ thiếu vắng sự sống con người, một thiên nhiên nhuốm đầy tâm trạng (không chuyến đò ngang; không cầu gợi chút niềm thân mật; Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng...).   
 - Nỗi buồn của người xa quê, đau đáu một nỗi niềm da diết nhớ quê hương (Lòng quê dợn dợn vời con nước/ Không khói hoàng hôn cũng nhớnhà)   
 \* Những sắc thái, cung bậc của nỗi buồn trong Đây thôn VĩD   
 - Nỗi buồn nhớ Huế thân thương, đượm xót xa của một con người ý thức được cảnh ngộcủa mình (Sao anh không về chơi thôn Vĩ?). Cảnh sắc, con người Vĩ Dạ đẹp, ấm áp càng gợi nỗi buồn tiếc nuối.   
 - Cảnh sắc thiên nhiên đẹp, thấm đượm nỗi buồn chia lìa, tan tác (Gió theo lối gió, mây đường mây/ Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay...), mờ ảo, chập chờn tỉnh, mộng (Thuyền ai đậu bến sông trăng đó/ Có chởtrăng về kịp tối nay?). Đó là một thiên nhiên chứa đầy tâm trạng của nhà thơ.   
 - Nỗi buồn đớn đau, tuyệt vọng của một tâm hồn thiết tha yêu cuộc sống, con người và ý thức được sựbất lực của mình (Ở đây sương khói mờnhân ảnh/ Ai biết tình ai có đậm đà?)  
 ***3 - Đánh giá chung*** - Buồn là một đặc điểm nổi bật, phổ biến của Thơ mới, mang đến cho Thơ mới một vẻ đẹp riêng. Cảnh sắc thiên nhiên, tâm trạng con người đều nhuốm nỗi buồn. Nó được bắt nguồn từcái tôi cô đơn, bếtắc của một thế hệ nhà thơtrước Cách mạng.   
 - Đều thể hiện một cảm xúc buồn, song Huy Cận trong Tràng giang, Hàn Mặc Tử trong Đây thôn Vĩ Dạ lại có những sắc thái, những cách thể hiện riêng. (Cái buồn điệp điệp của Huy Cận bắt nguồn từ sự ý thức về nỗi cô đơn, nhỏnhoi, bất định của kiếp người trong cái vô cùng vô tận của đất trời; còn Hàn Mặc Tử lại là một nỗi buồn – đau thương của một tâm hồn khát yêu, khát sống, bị bệnh tật đọa đày, cách biệt với cuộc đời).

**ĐỀ 3.**

Nhận định về thơ, Xuân Diệu cho rằng: ***"Thơ hay, lời thơ chín đỏ trong cảm xúc"***

Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ bằng tác phẩm Vội vàng của Xuân Diệu?

**HƯỚNG GIẢI QUYẾT.**

1. ***Giải thích***

***\* Giair thích ý kiến***

-Thơ là gì: Thơ ca là tiếng nói của tâm hồn. là tiếng nói của tình cảm con người. Thuộc phương thức trữ tình, thơ lấy điểm tựa là sự bộc lộ thế giới nội cảm của nhà thơ, những rung động mãnh liệt của trái tim thi sĩ tr­ước cuộc đời. Cảm xúc đóng vai trò quyết định, là nguồn cội của mọi sáng tạo nghệ thuật.

- Thơ hay: Xuân Diệu đặt ra yêu cầu với một tác phẩm thơ đích thực có giá trị phải đạt đến đỉnh cao cả nội dung lẫn hình thức: cả lời ( ngôn từ, hình thức nghệ thuật) cả tư tưởng, cảm xúc phải đạt đến độ chín muồi, đẹp đẽ nhất, mãnh liệt nhất ( chín đỏ).

Cụ thể:

+ Lời thơ phải đẹp ( giàu hình ảnh, tinh tuý, hàm súc có âm thanh nhịp điệu rõ rệt...)

+ Lời thơ phải chứa đựng cảm xúc mãnh liệt, cao đẹp, những suy ngẫm sâu sắc về con người cuộc đời.

+ Những lời đẹp đẽ ấy chính là sự thăng hoa cảm xúc mãnh liệt của nhà thơ trư­ớc cuộc đời. Ngược lại cảm xúc mãnh liệt, suy ngẫm sâu sắc phải được thể hiện qua lời đẹp. "Tài gia tình chi phát"( tài do tình mà ra). Chỉ khi cái đẹp của ngôn từ của hình thức nghệ thuật chứa đựng, thể hiện cảm xúc, suy ngẫm mãnh liệt sâu sắc của nhà thơ trước cuộc sống thì mới có thơ đích thực- thơ hay.

=> Ý kiến của Xuân Diệu đặt ra yêu cầu đối với một tác phẩm thơ đích thực. Xuân Diệu coi trọng nghệ thuật nhưng khẳng định vai trò cốt lõi của cảm xúc trong thơ.

\* Giới thiệu khái quát về tác giả tác phẩm.

***2. Phân tích một bài thơ Vội vàng để chứng minh.***

- Cảm xúc trong tác phẩm:

+ Lòng yêu đời, yêu cuộc sống đến cuồng nhiệt.

+ Tâm trạng hoài nghi, chán nản, bi quan…khi nhận ra quy luật tuyến tính của thời gian.

+ Quan niệm sống tích cực: tận hưởng và tận hiến.

- Hình thức nghệ thuật của tác phẩm:

+ Thể thơ tự do.

+ Ngôn từ, hình ảnh, thi tứ, bút pháp…đầy mới mẻ, sáng tạo độc đáo.

***3. Mở rộng, nâng cao vấn đề (2 điểm)***

- Khẳng định nhận định của Xuân Diệu có ý nghĩa sâu sắc với cả nhà văn, người đọc cũng như với lịch sử văn học:

+ Đối với nhà văn: Để sáng tạo nên những vần thơ đích thực, để vươn tới đỉnh cao của nghệ thuật chân chính, người nghệ sĩ không những phải có tài mà cần phải có tâm, có tình cảm mãnh liệt, sống hết mình với cuộc đời, biết xúc động nhạy cảm trước mọi niềm vui nỗi buồn của con người và biết làm lây lan tình cảm, gửi đến bạn đọc những thông điệp sâu sắc qua các phương tiện, hình thức nghệ thuật đẹp đẽ.

+ Đối với người đọc: Để đánh giá một tác phẩm không chỉ chú ý đến hình thức ngôn từ mà phải khám phá ra chiều sâu tư tưởng, tình cảm mãnh liệt mà tác giả gửi gắm.

+ Đối với lịch sử văn học: Nhận định của Xuân Diệu đưa ra tiêu chí để đánh giá giá trị một tác phẩm thơ ca đích thực, đó là phải có sự hài hòa giữa nội dung và hình thức.

**ĐỀ 4.**

**Nét truyền thống và cách tân nghệ thuật trong bài *Tương tư* của Nguyễn Bính.**

**HƯỚNG GIẢI QUYẾT**

***1. Giải thích***

***-*** Nét truyền thống: là những giá trị về nội dung, nghệ thuật mà người nghệ sĩ tiếp thu và học tập từ thành tựu của các giai đoạn văn học trước.

- Những cách tân nghệ thuật: là những sáng tạo mới mẻ, thể hiện tư duy nghệ thuật, phong cách nghệ thuật và cá tính sáng tạo riêng của người nghệ sĩ ngôn từ qua các tác phẩm của mình.

- Nguyễn Bính cũng như một số nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới đều chịu ảnh hưởng của văn học dân gian nên những sáng tác của ông có sự quyện hòa nhuần nhuyễn của hai yếu tố: truyền thống và hiện đại.

***2. Bình luận***

***a. Nét truyền thống***

***-*** Đề tài, bài thơ là nỗi nhớ, tương tư trong tình yêu của chàng trai dành cho người con gái. Đồng thời, bài thơ cũng thể hiện quan niệm tình yêu gắn liền với hôn nhân. Đây là đề tài và quan niệm thường thấy trong ca dao.

- Thể thơ: Thể thơ lục bát được vận dụng một cách nhuần nhuyễn: gieo vẫn rất chỉnh, ngắt nhịp chẵn, câu thơ uyển chuyển, giàu nhạc tính như một khúc dân ca.

- Cách thức thể hiện tâm trạng: Bài thơ *Tương tư* thể hiện tâm trạng của nhân vật trữ tình bằng lối phú, tỉ, hứng quen thuộc của ca dao. (Con người luôn gắn chặt với môi trường sống, các sự vật thiên nhiên luôn được dùng trong vai trò khơi gợi hoặc chia sẻ cảm xúc với nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình).

- Về hình tượng: Tương tư sử dụng nhiều cặp hình tượng quen thuộc để diễn tả ý niệm lứa đôi: bến – đò; trầu – cau…

- Về ngôn ngữ và lối nói:

+ Dùng chất liệu ngôn từ đậm chất chân quê, dân gian: địa danh “thôn Đoài”, “thôn Đông”; dùng thành ngữ “chín nhớ mười mong”; dùng số từ “một”, “chín”, “mười”…

+ Câu thơ tự nhiên như lời nói hàng ngày, đậm màu sắc khẩu ngữ: “cớ sao”, “bảo rằng”, “đã đành”…

+ Lối nói vòng vo, ý nhị: dẫn dắt từ chuyện gió, mưa, đất trời rồi mới đến chuyện tình cảm tương tư.

+ Lối kể lể than vãn đậm màu sắc trữ tình trong thơ ca dân gian.

***b. Những cách tân nghệ thuật***

***-*** Về đề tài, cùng viết về đề tài nỗi nhớ nhung, tương tư trong tình yêu nhưng nếu như ca dao thường thể hiện những mảnh tâm trạng, những cảm xúc điển hình thì *Tương tư* triển khai cả một mạch tâm trạng phong phú, trọn vẹn với mạch cảm xúc điển hình của mối tương tư.

- Về thể thơ: Nếu như ca dao phần lớn là những bài lục bát ngắn thì *Tương tư* là một bài khá dài, mang dáng dấp của lục bát trường thiên hiện đại. Nguyễn Bính đã mở rộng dung lượng để nội dung cảm xúc không bị bó buộc trong giới hạn hẹp của một vài cặp lục bát.

- Về cách thể hiện tâm trạng: Sự trở đi trở lại của các câu hỏi góp phần thể hiện các cung bậc tình cảm của nhân vật trữ tình, các cung bậc tình cảm khá phức tạp

- Về hình tượng: Triệt để khai thác những cặp hình tượng diễn tả ý niệm lứa đôi trong ca dao nhưng Nguyễn Bính sử dụng một cách phong phú và sắp xếp theo một trật tự kín đáo nên đã biểu hiện được diễn biến của khát vọng lứa đôi hết sức nhuần nhuyễn và tế nhị.

***3. Mở rộng, nâng cao vấn đề***

- Vẻ đẹp trong sự kết hợp tài hoa giữa những nét truyền thống của văn học dân tộc với những cách tân nghệ thuật đã đem lại sự thành công và làm nên dấu ấn riêng trong bài thơ *Tương tư* nói riêng và trong phong cách nghệ thuật của Nguyễn Bính, một người nhà quê đích thực không chỉ trong y phục mà trong cả linh hồn.

- Thơ Nguyễn Bính tuy đánh thức “người nhà quê trong lòng độc giả” nhưng nó vẫn mang nguyên vẹn cái hơi thở và cốt cách Thơ mới.

- Nguyễn Bính bằng tài năng và sự sáng tạo của một nhà văn chân chính đã thể hiện sâu sắc tấm lòng mình với những giá trị văn hóa dân tộc.